

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2021/DS-PT
Ngày: 26 – 01 – 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Vũ Văn Túc

Các thẩm phán:

Bà Lý Thị Đoàn

Bà Bạch Thị Hồng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Khả Thị Yêu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLPT – DS ngày 09/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐ – PT ngày 09/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Địa chỉ trụ sở chính: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng V. Vắng mặt (Tòa không triệu tập).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng T – Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng V; Địa chỉ: phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Minh K và bà Đỗ Thị T; Cùng địa chỉ: xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Ông K có mặt; Bà T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L ; Địa chỉ: xã T , huyện L , tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Minh K .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 06/01/2017, vợ chồng ông Đỗ Minh K , bà Đỗ Thị T có ký kết với ngân hàng V - Chi nhánh H - Phòng giao dịch S hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ số 11202499. Theo đó, ngân hàng V cho vợ chồng ông Đỗ Minh K , bà Đỗ Thị T vay khoản tiền 687.000.000 (*Sáu trăm tám mươi bảy triệu*) đồng. Thời hạn vay 120 tháng. Mục đích vay để tiêu dùng mua sắm trang thiết bị gia đình. Mức lãi suất 12%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 01/7/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) 04%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Để bảo đảm khoản tiền vay, bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ ông Đỗ Minh K có thể chấp quyền sử dụng hai thửa đất mang tên bà Nguyễn Thị L tại xóm M, xã T , huyện L , tỉnh Hòa Bình cho ngân hàng V gồm thửa đất số 4, tờ bản đồ số 41, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 623159, số vào sổ cấp GCN: CH 00003 do UBND huyện L cấp ngày 24/01/2011, thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 26, ngày 05/01/2017. Thửa đất thứ hai là thửa đất số 399, tờ bản đồ số 32, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 959049, số vào sổ cấp GCN: BR 734921 do UBND huyện L cấp ngày 03/6/2015, thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 15, ngày 05/01/2017. Thực hiện hợp đồng, phía ngân hàng đã giải ngân số tiền nêu trên cho ông K, bà T. Ông K, bà T đã thực hiện trả nợ định kỳ tiền gốc và lãi đến tháng 3 năm 2019 thì không thực hiện trả nợ; ông K , bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu mức lãi suất quá hạn kể từ ngày 15/3/2019. Số tiền nợ tính đến ngày 21/02/2020 (trước ngày khởi kiện) là 543.875.000 đồng tiền gốc và 97.975.842 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 641.850.842 (*Sáu trăm bốn mươi một triệu, tám trăm năm mươi nghìn, tám trăm bốn mươi hai*) đồng. Ngân hàng V đã nhiều lần yêu cầu ông K , bà T thực hiện việc trả nợ nhưng ông K , bà T không thực hiện. Do vậy, ngân hàng V khởi kiện với yêu cầu ông Đỗ Minh K , bà Đỗ Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản

nợ nêu trên cho ngân hàng VP Bank. Trường hợp ông Đỗ Minh K , bà Đỗ Thị T không có khả năng trả nợ thì ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng V là quyền sử dụng hai thửa đất của bà Nguyễn Thị L theo hai hợp đồng thế chấp số 26 và 15 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị L và ngân hàng V ngày 05/01/2017.

Phía bị đơn là ông Đỗ Minh K , bà Đỗ Thị T thừa nhận khoản nợ vay như bên nguyên đơn trình bày là đúng, xác nhận có thanh toán các kỳ trả nợ đến tháng 02 năm 2020. Việc vay tiền là vay cho chị gái làm ăn nhưng do thua lỗ nên không có điều kiện trả nợ đúng định kỳ. Đến tháng 6 năm 2019 có cán bộ ngân hàng V trao đổi qua điện thoại yêu cầu thanh toán nợ. Phía bị đơn trình bày xin trả hết 03 tháng chậm trả sau đó xin tiếp tục thực hiện hợp đồng như ký kết nhưng phía ngân hàng không đồng ý. Đến tháng 11 năm 2019, phía ngân hàng có văn bản yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm và đại diện ngân hàng V hẹn đến làm việc nhưng cũng không thấy đến. Nay ngân hàng khởi kiện thì phía bị đơn xin thỏa thuận nhận nợ nhưng đề nghị không xử lý tài sản bảo đảm do vợ chồng bị đơn là giáo viên, lương ít và phải nuôi 03 con nhỏ.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L xác nhận hai thửa đất thế chấp thuộc quyền sử dụng của một mình bà và bà hoàn toàn tự nguyện khi ký kết hợp đồng thế chấp số 26 và 15 ngày 05/01/2017 với ngân hàng V để bảo đảm khoản vay của ông Đỗ Minh K , bà Đỗ Thị T . Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông K , bà T có chậm trả một vài tháng nên ngân hàng chuyển nợ quá hạn. Gia đình bà vẫn có thiện chí trả nợ; đã xin phía ngân hàng để trả nợ từng tháng hoặc xin giải chấp thửa đất số 4, tờ bản đồ số 41 để bán đi trả nợ ngân hàng nhưng phía ngân hàng không đồng ý. Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp bằng hình thức phát mại thì bà L cũng đồng ý nhưng phát mại phải theo đúng giá thị trường và phần chênh lệch (thừa ra) giá trị tài sản sau khi trả hết nợ thì phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L. Các ý kiến của phía bị đơn bà L đều đồng thuận, cụ thể xác nhận khoản nợ của ông K , bà T đúng như phía ngân hàng trình bày và nguyện vọng của gia đình bà là thỏa thuận nhận nợ với ngân hàng và xin trả dần, đề nghị không xử lý tài sản bảo đảm vì bà hiện giờ đã 68 tuổi, già yếu và nhiều bệnh tật, chồng bà là liệt sỹ nên cần giữ đất để thờ cúng chồng bà.

Tòa án đã tiến hành xác minh, xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp khoản vay. Xác nhận các tài sản thế chấp là có thật và đúng vị trí, diện tích, hiện trạng như hồ sơ thế chấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu của mình và tính đến ngày xét xử khoản tiền lãi của hợp đồng tín dụng số 11202499, ngày 06/01/2017 là 167.128.765 (*Một trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm*) đồng, cộng với 543.875.000 đồng tiền gốc thành 711.003.769 (*Bảy trăm mười một triệu, không trăm linh ba nghìn, bảy trăm sáu mươi chín*) đồng.

Phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận khoản nợ gốc, chấp nhận lãi quá hạn đến tháng 11 năm 2019 và không thừa nhận khoản lãi từ tháng 11 năm 2019 đến nay vì cho rằng lỗi của Ngân hàng do không tiếp nhận tài sản bảo đảm. Các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đề nghị miễn án phí dân sự (nếu có) vì là thân nhân liệt sỹ theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 09/10/2020, Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 275, Điều 280, 463, 466, Điều 299, 317, 318, 319, khoản 6 Điều 320, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 184; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V; buộc ông Đỗ Minh K và bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho Ngân hàng V- Chi nhánh H - Phòng giao dịch S số tiền gốc là 543.875.000 đồng, số tiền lãi là 167.128.765 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 711.003.765 (*Bảy trăm mười một triệu, không trăm linh ba nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm*) đồng theo hợp đồng tín dụng số 11202499, ngày 06/01/2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đỗ Minh K, bà Đỗ Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về

việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà ông Đỗ Minh K , bà Đỗ Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V - Chi nhánh H - Phòng giao dịch S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V .

2. Trường hợp ông Đỗ Minh K , bà Đỗ Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền trên, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ khối tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hai thửa đất mang tên bà Nguyễn Thị L , tại xóm M, xã T , huyện L , tỉnh Hòa Bình gồm: Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 41, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 623159, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00003 do UBND huyện L cấp ngày 24/01/2011 (Thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 26, ngày 05/01/2017) và thửa đất thứ hai số 399, tờ bản đồ số 32, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 959049, sổ vào sổ cấp GCN: BR 734921 do UBND huyện L cấp ngày 03/6/2015 (Thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 15, ngày 05/01/2017).

3. Án phí: Miễn cho ông Đỗ Minh K , bà Đỗ Thị T 32.440.000đ (Ba mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP V được nhận lại 14.800.000đ (Mười bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002971, ngày 26/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/10/2020, bị đơn ông Đỗ Minh K có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị: Chỉ chấp nhận khoản tiền gốc 543.875.000 đồng và tiền lãi tính đến tháng 9/2019; không đồng ý giải chấp thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BR 7734921 mang tên bà Nguyễn Thị L .

***Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Các đương sự trong vụ án không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) tuân thủ đúng quy định về thụ lý vụ án, chuẩn bị

xét xử quy định từ điều 285 đến 292 BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của đương sự; xét thấy: Việc cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Minh K không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị bác kháng cáo của ông K , giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm còn thiếu sót trong việc áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án khi miễn án phí cho bà Đỗ Thị T . Đề nghị sửa về phần án phí của bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng giữa các đương sự tại phiên tòa; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng V khởi kiện ông Đỗ Minh K và bà Đỗ Thị T , đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn đều cư trú tại huyện L , tỉnh Hòa Bình. Do đó Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không tham gia hòa giải, phía đại diện nguyên đơn không đề nghị hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng cáo của ông Đỗ Minh K trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét.

[2]. Về nội dung: Ngày 06/01/2017, vợ chồng ông Đỗ Minh K , bà Đỗ Thị T có ký kết với Ngân hàng TMCP V (VP Bank), Chi nhánh Hòa Bình Hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ số 11202499. Theo đó, ngân hàng V cho vợ chồng ông bà K T vay khoản tiền 687.000.000 (*Sáu trăm tám mươi bảy triệu*) đồng. Thời hạn vay 120 tháng.. Khoản tiền vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng hai thửa đất mang tên bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ ông Đỗ Minh K) tại xóm Mới, xã T , huyện L , tỉnh Hòa Bình là thửa đất số 4 - GCNSĐĐ số BB 623159 ngày 24/01/2011 và thửa đất số 399- GCNSĐĐ số CN 959049 ngày 03/6/2015.

Ngày 05/01/2017, ngân hàng đã giải ngân số tiền nêu trên cho ông K , bà T . Ông K , bà T đã thực hiện trả nợ định kỳ tiền gốc và lãi đến tháng 3/2019 thì không thực hiện việc trả nợ. Số tiền nợ tính đến ngày 21/02/2020 là 543.875.000 đồng tiền gốc và 97.975.842 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 641.850.842 (*Sáu trăm bốn mươi một triệu, tám trăm năm mươi nghìn, tám trăm bốn mươi hai*) đồng. Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông bà K T thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên cho ngân hàng VP Bank.

[3]. Xét kháng cáo của anh Đỗ Minh K : Đối với nội dung không chấp nhận phần tính lãi của Ngân hàng từ tháng 11/2019 đến ngày 09/10/2020:

Hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ số 11202499 ngày 06/01/2017 mà Ngân hàng TMCP V (VPBank) và ông Đỗ Minh K , bà đã ký kết có hình thức, nội dung phù hợp các quy định tại Điều 119, Điều 398 và không vi phạm các quy định từ Điều 123 đến Điều 130, Điều 408 của Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, hợp đồng có hiệu lực toàn bộ.

Phía Ngân hàng VPbank và ông K , bà T đều thừa nhận: Từ tháng 3/2019, ông bà K T không thực hiện việc trả nợ, khoản vay và số dư nợ tiền gốc còn lại đến ngày 15/3/2019 là 543.875.000 đồng. Căn cứ theo khoản 5 điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định về “Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất”, thì trong trường hợp ông bà K T không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì Ngân hàng V có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Mặt khác, tại khoản 4 điều 7 Hợp đồng tín dụng số 11202499, các bên nhất trí thỏa thuận: “Kể từ thời điểm quá hạn, bên Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, các hợp đồng đảm bảo và/hoặc các biện pháp theo quy định để thu hồi nợ”. Việc Ngân hàng V chuyển toàn bộ khoản vay còn lại của ông bà K T sang nợ quá hạn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngày 08/8/2019, Ngân hàng có văn bản yêu cầu ông bà K T thực hiện nghĩa vụ thanh toán trước ngày 28/8/2019 nhưng ông bà không thực hiện. Đến ngày 11/11/2019, Ngân hàng có Thông báo số 8392 yêu cầu bà L , ông bà K T bàn giao tài sản đảm bảo cho Ngân Hàng. Việc thực hiện quy trình xử lý, thu hồi nợ của ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật và thỏa thuận giữa các bên theo Hợp đồng tín dụng. Đến ngày 15/11/2019, ngoài số nợ gốc thì số lãi tính theo mức lãi quá hạn là 77.971.826 đồng.

Ông bà K T không chấp nhận phần tính lãi tính từ tháng 11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 09/10/2020, chỉ chấp nhận thanh toán nợ gốc 543.875.000 đồng và lãi suất tính từ tháng 3/2019 đến tháng 9/2019 vì tại thời điểm tháng 9/2019, Ngân hàng đã thông báo hẹn gia đình ông bà về việc bàn giao tài sản thế chấp nhưng không cử cán bộ xuống nhận tài sản, gây chậm trễ trong việc thanh toán nợ. Tuy nhiên, theo thoả thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15 và số 26 ngày 05/01/2017 giữa bà Nguyễn Thị L với Ngân hàng V, thì Ngân hàng được quyền xử lý nhưng không có nghĩa vụ phải xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 4 và số 399 tại xóm M, xã T, Lạc Sơn của bà Nguyễn Thị L. Việc Ngân hàng có thực hiện việc xử lý tài sản thế chấp hay không đều không vi phạm hợp đồng, không làm thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ trả nợ của ông bà Kế Thơm. Cấp sơ thẩm buộc ông bà K T phải liên đới thanh toán nợ gốc, lãi suất từ tháng 11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với nội dung không chấp nhận việc xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 399, GCNQSDĐ số BR 734921 mang tên bà Nguyễn Thị L:

Tại điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 11202499 ngày 06/01/2017 giữa ông Đỗ Minh K, bà Đỗ Thị T với Ngân hàng V quy định: khoản vay 687.000.000 đồng của ông bà K T được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng hai thửa đất số 04 và 399 mang tên bà Nguyễn Thị L tại xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Bà L đã ký kết với phía Ngân hàng V hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 26 và 15 ngày 05/01/2017 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho ông bà K T. Các hợp đồng thế chấp được công chứng đúng quy định; hình thức và nội dung các điều khoản trong hai hợp đồng dựa trên sự thoả thuận nhất trí của các bên đều đúng quy định pháp luật. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L đã xác nhận đăng ký thế chấp đối với hai thửa đất trên. Vì vậy, các hợp đồng thế chấp số 26 và 15 ngày 05/01/2017 là hợp pháp, có hiệu lực thi hành. Tại điều 6, 7 của hai hợp đồng thế chấp số 26 và 15 ngày 05/01/2017, các bên đều thống nhất: bên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ của bên vay là ông bà K T khi ông bà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Việc từ tháng 3/2019, ông bà K T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Căn cứ hợp đồng tín dụng của ông bà K T và hợp đồng thế chấp của bà L đã ký kết với Ngân Hàng, việc Ngân hàng yêu cầu được xử lý toàn bộ tài sản thế chấp gồm 02

thửa đất số 4 và 399 mang tên bà Nguyễn Thị L là đúng pháp luật. Việc thửa đất 399 là nơi thờ cúng liệt sĩ (chồng bà L - bố đẻ ông K) không làm thay đổi nghĩa vụ thực hiện hợp đồng thế chấp của bà L . Cấp sơ thẩm nhận yêu cầu của Ngân hàng V về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là phù hợp.

Như vậy, toàn bộ kháng cáo của ông Đỗ Minh K là không có căn cứ chấp nhận, cần bác kháng cáo của ông Đỗ Minh K - giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Trong vụ án này, cấp sơ thẩm áp dụng quy định về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với bị đơn không chính xác, cụ thể: Đồng bị đơn trong vụ án gồm ông Đỗ Minh K và bà Đỗ Thị T . Trong đó, ông K có bố đẻ là Liệt sĩ – được miễn án phí theo quy định tại đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà T – vợ ông K không được coi là thân nhân Liệt sĩ, vì theo khoản 1 Điều 4 Nghị định 31/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng có giải thích: “Thân nhân người có công là cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.” Do vậy, bà T phải chịu 1/2 tổng án phí Dân sự phúc thẩm của các đồng bị đơn là $\frac{1}{2} \times 32.440.000 = 16.220.000$ đồng. Cần sửa phần án phí của bản án sơ thẩm.

[4].Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm, người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Minh K; Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình về phần nội dung, sửa về phần án phí. Cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 275, Điều 280, 463, 466, Điều 299, 317, 318, 319, khoản 6 Điều 320, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 184; 271 và Điều

273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (VP Bank); Buộc ông Đỗ Minh K và bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho Ngân hàng V - Chi nhánh Hòa Bình - Phòng giao dịch Sông Đà số tiền gốc là 543.875.000 đồng, số tiền lãi là 167.128.765 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 711.003.765 (Bảy trăm mười một triệu, không trăm linh ba nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng) theo hợp đồng tín dụng số 11202499, ngày 06/01/2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đỗ Minh K, bà Đỗ Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà ông Đỗ Minh K, bà Đỗ Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V - Chi nhánh H - Phòng giao dịch S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V.

2. Trường hợp ông Đỗ Minh K, bà Đỗ Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền trên, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ khối tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hai thửa đất mang tên bà Nguyễn Thị L tại xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình gồm thửa đất số 4, tờ bản đồ số 41, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 623159, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00003 do UBND huyện L cấp ngày 24/01/2011 (Thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 26, ngày 05/01/2017) và thửa đất thứ hai số 399, tờ bản đồ số 32, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 959049, sổ vào sổ cấp GCN: BR 734921 do UBND huyện L cấp ngày 03/6/2015 (Thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 15, ngày 05/01/2017).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

thi hành án dân sự.

3. Về Án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Minh K được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Bà Đỗ Thị T phải chịu 16.220.000đ (Mười sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V được nhận lại 14.800.000 (Mười bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002971, ngày 26/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L .

- Án phí phúc thẩm: Dương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại anh Đỗ Minh K 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003710 ngày 23/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L .

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án - ngày 26/01/2021.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND H. L;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Chi cục THADS H. L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Văn Túc